

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 26/7/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB10194	Lê Trường	An	08/01/2002	Đồng Nai	7,67	8,33	Đạt	
2	BKCB10195	Trần Bảo	An	13/01/2006	Vĩnh Long	6,67	7,0	Đạt	
3	BKCB10196	Trần Phan Minh	An	05/11/2007	Đồng Nai	9,33	6,0	Đạt	
4	BKCB10197	Lê Thị Hồng	Ấn	03/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,83	Đạt	
5	BKCB10198	Lê Huỳnh	Anh	30/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	6,0	6,5	Đạt	
6	BKCB10199	Lê Thị Quỳnh	Anh	12/06/1992	Thanh Hoá	8,0	7,33	Đạt	
7	BKCB10200	Phạm Minh	Anh	28/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,5	Đạt	
8	BKCB10201	Phạm Tâm	Anh	19/02/2004	Kon Tum	8,33	7,33	Đạt	
9	BKCB10202	Quách Đông	Anh	08/06/2000	Trà Vinh	7,67	8,5	Đạt	
10	BKCB10203	Trịnh Minh	Anh	15/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,83	Đạt	
11	BKCB10204	Trương Ngọc Vân	Anh	19/08/2007	Đồng Tháp	6,33	6,17	Đạt	
12	BKCB10205	Võ Thị Kim	Anh	18/01/2004	Kiên Giang	7,33	4,5	Không đạt	
13	BKCB10206	Nguyễn Thị Ngọc	Ảnh	07/02/2004	Thanh Hóa				Vắng
14	BKCB10207	Nguyễn Thị Nguyệt	Ảnh	05/12/2007	Đồng Nai	8,33	4,33	Không đạt	
15	BKCB10208	Trần Thanh Tuấn	Anh	09/07/2007	Phú Yên	5,33	4,0	Không đạt	Không Excel
16	BKCB10209	Mai Nguyễn Ngọc	Bảo	07/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,83	Đạt	
17	BKCB10210	Đặng Văn	Bình	22/02/2000	Quảng Ngãi	10,0	9,5	Đạt	
18	BKCB10211	Lê Xuân An	Bình	23/07/2006	Quảng Trị				Vắng
19	BKCB10212	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	29/10/2008	Lâm Đồng	5,33	9,0	Đạt	
20	BKCB10213	Trương Dũng	Chinh	04/08/1973	Đồng Tháp	5,67	5,0	Đạt	
21	BKCB10214	Huỳnh Thị Kim	Cương	23/03/2004	Quảng Ngãi				Vắng
22	BKCB10215	Nguyễn Kim	Cương	31/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,0	Đạt	
23	BKCB10216	Nguyễn Thị Kim	Cương	01/07/2004	Đồng Nai	9,67	8,33	Đạt	
24	BKCB10217	Đỗ Mạnh	Cường	14/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,83	Đạt	
25	BKCB10218	Hoàng Mạnh	Cường	28/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	6,33	Đạt	
26	BKCB10219	Vũ Thị Ngọc	Dân	21/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	Đạt	
27	BKCB10220	Nguyễn Vũ Anh	Đào	01/01/2005	Đồng Nai	9,67	8,83	Đạt	
28	BKCB10221	Huỳnh Chung Tuấn	Đạt	29/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,5	Đạt	
29	BKCB10222	Hứa Thị Tâm	Đoan	21/09/2006	Vĩnh Long	9,67	8,67	Đạt	
30	BKCB10223	Phan Thị Thuỳ	Đoan	15/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
31	BKCB10224	Đoàn Minh	Đức	20/08/2003	Hung Yên	7,33	8,67	Đạt	
32	BKCB10225	Huỳnh Thanh	Đức	24/08/1993	Lâm Đồng	8,33	8,33	Đạt	
33	BKCB10226	Lê Quý	Đức	20/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	4,33	0,0	Không đạt	
34	BKCB10227	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	08/07/2005	Vĩnh Long	9,67	9,33	Đạt	
35	BKCB10228	Nguyễn Minh	Dũng	14/12/1993	Khánh Hoà	9,33	7,5	Đạt	
36	BKCB10229	Phan Ngọc	Dũng	19/03/2005	Hà Tĩnh	8,33	7,83	Đạt	
37	BKCB10230	Nguyễn Thị Ánh	Dương	23/11/2006	Đồng Tháp	8,33	6,83	Đạt	
38	BKCB10231	Nguyễn Hoàng	Duy	20/05/2005	Tây Ninh	8,67	6,33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
39	BKCB10232	Nguyễn Hoàng Mai	Duyên	22/09/1999	Khánh Hòa	9,33	9,0	Đạt	
40	BKCB10233	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/02/2005	Quảng Ngãi	10,0	9,33	Đạt	
41	BKCB10234	Đinh Hương	Giang	02/12/2001	Đồng Nai	8,67	6,5	Đạt	
42	BKCB10235	Phạm Thị Trà	Giang	23/06/2006	Tây Ninh	8,67	7,33	Đạt	
43	BKCB10236	Trần Hương	Giang	07/09/1998	Đồng Tháp				Vắng
44	BKCB10237	Đoàn Thanh	Hà	15/12/1995	Hà Nội	6,67	7,17	Đạt	
45	BKCB10238	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hà	26/05/2006	Đắk Lắk	9,67	8,5	Đạt	
46	BKCB10239	Nguyễn Thị Thu	Hà	29/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,17	Đạt	
47	BKCB10240	Nguyễn Thương Nhật	Hà	12/11/2002	Bạc Liêu	9,33	8,83	Đạt	
48	BKCB10241	Dương Bảo	Hân	13/06/2002	Cà Mau	7,33	6,5	Đạt	
49	BKCB10242	Phạm Ngọc Bảo	Hân	24/05/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	5,5	Đạt	
50	BKCB10243	Võ Ngọc Mai	Hân	21/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,67	Đạt	
51	BKCB10244	Nguyễn Kim	Hăng	18/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,17	Đạt	
52	BKCB10245	Nguyễn Ngọc Kim	Hăng	11/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,0	Đạt	
53	BKCB10246	Đoàn Thị Thu	Hăng	24/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,0	Đạt	
54	BKCB10247	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	22/09/2003	Đồng Nai	9,67	6,67	Đạt	
55	BKCB10248	Mai Lý	Hiền	19/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,83	Đạt	
56	BKCB10249	Nguyễn Minh	Hiếu	08/07/2004	Nghệ An	7,67	7,33	Đạt	
57	BKCB10250	Trương Thị Kim	Hoa	22/01/2006	Thành phố Đà Nẵng	8,0	3,67	Không đạt	
58	BKCB10251	Lê Minh	Hoàn	21/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
59	BKCB10252	Nguyễn Lê	Hoàng	14/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	5,33	Đạt	
60	BKCB10253	Phạm Thị Thu	Hồng	24/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,5	Đạt	
61	BKCB10254	Ngô Trần Thu	Huệ	30/11/2005	Gia Lai	10,0	8,67	Đạt	
62	BKCB10255	Trần Thị Thu	Huệ	25/06/2006	Thanh Hoá	10,0	8,67	Đạt	
63	BKCB10256	Nguyễn Minh	Hùng	23/02/2000	Đồng Nai	6,33	7,33	Đạt	
64	BKCB10257	Trần Phi	Hùng	09/10/2008	Đồng Nai	9,0	6,0	Đạt	
65	BKCB10258	Trần Đức	Hưng	17/06/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,0	Đạt	
66	BKCB10259	Phạm Võ Gia	Huy	05/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,0	Đạt	
67	BKCB10260	Trần Thanh Gia	Huy	12/12/2006	Vĩnh Long	9,33	8,5	Đạt	
68	BKCB10261	Trần Nguyễn Ngọc	Huyền	22/12/2006	Đắk Lắk	9,67	8,5	Đạt	
69	BKCB10262	Trần Phương Bảo	Huyền	01/01/2002	Đồng Nai	9,33	7,33	Đạt	
70	BKCB10263	Nguyễn Anh	Khoa	14/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,17	Đạt	
71	BKCB10264	Vương Khánh Đăng	Khoa	23/08/2002	Quảng Trị	8,33	8,5	Đạt	
72	BKCB10265	Đào Nguyên	Khôi	20/02/2007	Đà Nẵng	6,0	6,67	Đạt	
73	BKCB10266	Nguyễn Minh	Khởi	11/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
74	BKCB10267	Trần Anh	Khôi	15/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,0	Đạt	
75	BKCB10268	Nguyễn Trần Trọng	Khương	18/03/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,0	Đạt	
76	BKCB10269	Nguyễn Ngọc	Khuyên	11/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,5	Đạt	
77	BKCB10270	Bùi Trung	Kiên	23/09/2000	Đồng Nai	7,0	7,0	Đạt	
78	BKCB10271	Bùi Huỳnh Anh	Kiệt	01/09/2006	Gia Lai	10,0	6,83	Đạt	
79	BKCB10272	Tổng Thế	Kiệt	26/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,17	Đạt	
80	BKCB10273	Nguyễn Văn	Kiểu	12/12/1986	Thanh Hóa	8,33	5,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
81	BKCB10274	Lê Thị	Lan	25/05/2004	Đắk Lắk	7,67	7,0	Đạt	
82	BKCB10275	Bùi Thị	Linh	16/12/2000	Hưng Yên	9,0	9,0	Đạt	
83	BKCB10276	Dương Thị Thuỳ	Linh	20/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,83	Đạt	
84	BKCB10277	Nguyễn Mỹ	Linh	03/02/1978	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
85	BKCB10278	Tổng Khánh	Linh	03/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
86	BKCB10279	Dương Quang	Long	08/06/2003	Thừa Thiên Huế	6,0	8,17	Đạt	
87	BKCB10280	Lê Công	Luân	06/10/2005	Khánh Hòa	8,67	6,17	Đạt	
88	BKCB10281	Nguyễn Thị	Ly	14/04/1995	Thanh Hóa	9,33	7,5	Đạt	
89	BKCB10282	Bùi Đặng Quỳnh	Mai	03/11/2004	Tây Ninh	7,67	6,83	Đạt	
90	BKCB10283	Đinh Thị Tuyết	Mai	19/09/2006	Ninh Bình	9,33	6,83	Đạt	
91	BKCB10284	Lê Quang	Minh	13/11/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,67	Đạt	
92	BKCB10285	Trần Sỹ Nhật	Minh	24/09/1999	Hà Nội	9,0	8,67	Đạt	
93	BKCB10286	Phan Thị Diễm	My	24/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,0	Đạt	
94	BKCB10287	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/08/2003	Đắk Lắk	7,33	5,0	Đạt	
95	BKCB10288	Châu Thị Ngọc	Ngà	14/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,5	Đạt	
96	BKCB10289	Đoàn Minh	Ngân	02/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	6,67	Đạt	
97	BKCB10290	Lý Thị Thu	Ngân	05/02/2005	An Giang	6,33	5,33	Đạt	
98	BKCB10291	Đỗ Thị Hồng	Nghi	26/08/2004	Cà Mau	6,0	7,0	Đạt	
99	BKCB10292	Trần Trọng	Nghĩa	03/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,0	Đạt	
100	BKCB10293	Trương Hiếu	Nghĩa	05/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,67	Đạt	
101	BKCB10294	Đinh Thị Bích	Ngọc	26/02/1999	Tây Ninh	9,67	8,5	Đạt	
102	BKCB10295	Phan Thị Kim	Ngọc	26/09/1981	Quảng Ngãi	6,67	6,17	Đạt	
103	BKCB10296	Phan Xuân	Ngọc	17/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,33	Đạt	
104	BKCB10297	Trương Thị Như	Ngọc	20/11/2000	Long An	8,67	6,5	Đạt	
105	BKCB10298	Dương Phạm Triều	Nhân	09/02/2000	Vĩnh Long				Vắng
106	BKCB10299	Huỳnh Trọng	Nhân	27/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,17	Đạt	
107	BKCB10300	Nguyễn Đặng Thành	Nhân	29/03/2005	Đồng Nai	7,33	7,17	Đạt	
108	BKCB10301	Nguyễn Hoàng Hữu	Nhân	03/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,0	Đạt	
109	BKCB10302	Nguyễn Minh	Nhật	24/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,75	5,67	Đạt	
110	BKCB10303	Hoàng Thị Yến	Nhi	30/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,83	Đạt	
111	BKCB10304	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	24/04/2006	Vĩnh Long	10,0	6,0	Đạt	
112	BKCB10305	Đào Khắc	Nhiên	02/12/2002	Đắk Lắk	8,67	8,17	Đạt	
113	BKCB10306	Phạm Thu	Nhiên	15/02/2003	Quảng Ngãi	8,33	8,67	Đạt	
114	BKCB10307	Huỳnh	Như	04/12/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,5	Đạt	
115	BKCB10308	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	24/09/2006	Quảng Ngãi	9,0	6,33	Đạt	
116	BKCB10309	Nguyễn Vũ Quỳnh	Như	08/06/2003	Đồng Nai	9,67	6,67	Đạt	
117	BKCB10310	Kiều Thị Cẩm	Nhung	13/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,67	Đạt	
118	BKCB10311	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18/11/2005	Gia Lai	10,0	6,83	Đạt	
119	BKCB10312	Lê Hồ Minh	Nhựt	25/10/2005	Đồng Tháp	7,67	7,0	Đạt	
120	BKCB10313	Hồ Thị Kim	Oanh	06/08/2006	Lâm Đồng	6,0	6,17	Đạt	
121	BKCB10314	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	07/12/2001	Đồng Nai	9,67	8,67	Đạt	
122	BKCB10315	Đặng Hoàng	Phúc	04/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
123	BKCB10316	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	24/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	6,0	Đạt	
124	BKCB10317	Phạm Tuấn	Phúc	14/11/2006	Nam Định	6,0	6,5	Đạt	
125	BKCB10318	Trần Vương Quang	Phúc	16/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,67	Đạt	
126	BKCB10319	Cao Minh Thái	Phương	23/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,83	Đạt	
127	BKCB10320	Châu Huỳnh	Phương	23/10/2005	Đồng Nai	6,0	6,67	Đạt	
128	BKCB10321	Đinh Diệp	Phương	09/08/2000	Đồng Nai	9,0	8,5	Đạt	
129	BKCB10322	Đỗ Nguyễn Uyên	Phương	25/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt	
130	BKCB10323	Lưu Hà	Phương	09/03/1997	Hải Phòng	10,0	7,33	Đạt	
131	BKCB10324	Nguyễn Thị Minh	Phương	02/09/2000	Đắk Lắk	9,0	8,83	Đạt	
132	BKCB10325	Trần Hải	Phương	17/12/2006	Bà Rịa-Vũng Tàu	7,67	6,83	Đạt	
133	BKCB10326	Trần Uyên	Phương	06/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,33	Đạt	
134	BKCB10327	Nguyễn Thị Phi	Phượng	03/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,0	Đạt	
135	BKCB10328	Trần Bích	Phượng	27/02/2003	Đồng Nai	10,0	6,0	Đạt	
136	BKCB10329	Trần Thanh	Quang	04/08/2002	Thành phố Đà Nẵng	9,0	7,83	Đạt	
137	BKCB10330	Nguyễn Hoàng Đỗ	Quyên	06/03/2009	Đồng Nai	8,33	5,83	Đạt	
138	BKCB10331	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	16/08/1999	Đồng Tháp	10,0	8,0	Đạt	
139	BKCB10332	Lê Nhật	Quỳnh	19/07/2006	Gia Lai	6,0	5,0	Đạt	
140	BKCB10333	Lê Thị Như	Quỳnh	12/03/2006	Vĩnh Long	8,0	7,17	Đạt	
141	BKCB10334	Lê Ngọc Như	Quỳnh	30/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,33	Đạt	
142	BKCB10335	Nguyễn Thị Na	Rin	20/05/1993	Tiền Giang	9,33	8,67	Đạt	
143	BKCB10336	Huỳnh Thanh	Son	16/05/2002	Lâm Đồng	9,33	8,0	Đạt	
144	BKCB10337	Lê Nguyễn Xuân	Son	29/08/2004	Khánh hòa	8,33	6,5	Đạt	
145	BKCB10338	Bào Thanh	Tâm	13/10/2002	Tiền Giang	7,33	6,67	Đạt	
146	BKCB10339	Huỳnh Duy	Tân	28/08/1995	Vĩnh Long	8,0	5,33	Đạt	không PP
147	BKCB10340	Phùng Thị	Thắm	06/10/2005	An Giang	6,0	5,0	Đạt	
148	BKCB10341	Phan Ngọc	Thanh	06/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,67	Đạt	
149	BKCB10342	Nguyễn Quốc	Thạnh	17/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	4,0	0,0	Không đạt	
150	BKCB10343	Mai Phương	Thảo	05/12/2004	Nghệ An	8,0	6,0	Đạt	
151	BKCB10344	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/10/2003	Gia Lai	10,0	7,17	Đạt	
152	BKCB10345	Tổng Hoàng Phương	Thảo	07/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,0	Đạt	
153	BKCB10346	Trần Thị	Thảo	10/06/1994	Ninh Bình				Vắng
154	BKCB10347	Trần Thị Thanh	Thảo	05/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,5	Đạt	
155	BKCB10348	Bùi Thị Linh	Thảo	24/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	5,33	Đạt	
156	BKCB10349	Dương Thị Minh	Thư	25/09/1999	Vĩnh Long	8,67	7,33	Đạt	
157	BKCB10350	Lê Anh	Thư	02/01/2007	Đồng Nai	9,0	3,0	Không đạt	Không W
158	BKCB10351	Nguyễn Lê Minh	Thư	05/11/2005	Gia Lai	9,67	8,17	Đạt	
159	BKCB10352	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/10/2006	Đồng Nai				Vắng
160	BKCB10353	Nguyễn Thị Minh	Thư	03/05/2006	Lâm Đồng	8,67	9,33	Đạt	
161	BKCB10354	Nguyễn Trần Anh	Thư	11/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,67	Đạt	
162	BKCB10355	Trần Thị Anh	Thư	05/05/2000	Đồng Nai	7,33	6,33	Đạt	
163	BKCB10356	Nguyễn Văn	Thuận	23/08/2001	Đắk Lắk	8,33	7,5	Đạt	
164	BKCB10357	Huỳnh Văn	Thuận	24/06/1996	Vĩnh Long	9,33	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
165	BKCB10358	Trương Thị	Thủy	09/06/1990	Đồng Nai	9,67	9,0	Đạt	
166	BKCB10359	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	07/07/2004	An Giang	6,33	8,5	Đạt	
167	BKCB10360	Nguyễn Văn	Tòng	21/11/2000	Đồng Nai	8,67	9,0	Đạt	
168	BKCB10361	Nguyễn Bích	Trâm	04/11/2005	Lâm Đồng	9,67	6,0	Đạt	
169	BKCB10362	Trần Ngọc Bảo	Trâm	11/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
170	BKCB10363	Đỗ Thị Phương	Trang	30/09/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,0	Đạt	
171	BKCB10364	Hoàng Đăng Huyền	Trang	11/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
172	BKCB10365	Tạ Thị Thu	Trang	27/10/2008	Đồng Nai	7,67	8,5	Đạt	
173	BKCB10366	Trần Thị Thủy	Trang	24/11/2005	Đồng Tháp	9,0	5,0	Đạt	
174	BKCB10367	Nguyễn Đức	Trọng	08/06/1999	Gia Lai	8,0	7,33	Đạt	
175	BKCB10368	Lê Thị Hồng	Trúc	06/05/2006	Gia Lai	7,33	7,33	Đạt	
176	BKCB10369	Nguyễn Thanh	Trúc	18/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,5	Đạt	
177	BKCB10370	Phan Võ Nhã	Trúc	14/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,33	Đạt	
178	BKCB10371	Trần Thị Thanh	Trúc	19/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,5	Đạt	
179	BKCB10372	Trương Thanh	Trúc	08/09/1993	Đồng Tháp	9,0	9,17	Đạt	
180	BKCB10373	Trần Đức	Trung	24/11/2000	Tây Ninh	9,33	8,83	Đạt	
181	BKCB10374	Trần Vũ Thuý	Trung	21/10/2005	Gia Lai	9,67	7,0	Đạt	
182	BKCB10375	Đỗ Nhật	Trường	03/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,33	Đạt	
183	BKCB10376	Nguyễn Minh	Tú	03/05/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	9,0	Đạt	
184	BKCB10377	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	18/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,33	Đạt	
185	BKCB10378	Phạm Huỳnh Phương	Uyên	31/03/2006	Đồng Nai	9,67	9,0	Đạt	
186	BKCB10379	Nguyễn Thị Tổ	Uyên	14/08/2004	Cà Mau	7,0	9,0	Đạt	
187	BKCB10380	Nguyễn Thị Bích	Vân	12/12/2000	Tây Ninh	7,67	6,83	Đạt	
188	BKCB10381	La Thanh	Vân	04/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,33	Đạt	
189	BKCB10382	Nguyễn Hà Phương Hồng	Vi	01/12/2004	Khánh Hòa	9,0	5,0	Đạt	
190	BKCB10383	Nguyễn Phú	Vinh	25/11/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	4,67	0,0	Không đạt	Không TH
191	BKCB10384	Đặng Ngọc Thúy	Vy	22/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	9,0	Đạt	
192	BKCB10385	Nguyễn Ngọc Hồng	Vy	04/02/2007	Đồng Nai	7,67	7,67	Đạt	
193	BKCB10386	Nguyễn Thảo	Vy	28/02/2001	Vĩnh Long	8,0	7,0	Đạt	
194	BKCB10387	Phạm Tô Giao	Vy	19/02/2001	Khánh Hoà	9,0	9,0	Đạt	
195	BKCB10388	Trần Lê	Vy	16/03/1997	Cà Mau	8,75	9,17	Đạt	
196	BKCB10389	Huỳnh Nguyễn Kim	Yến	25/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,67	Đạt	
197	BKCB10390	Trần Thị Hải	Yến	19/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	2,0	Không đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:197Số thí sinh đạt:178

Số lượng hiện diện:193

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam